TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 203/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27.5.2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Công Đoàn

2. Bà Đào Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà Tô Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Hồng T; sinh năm 1983; Nơi cư trú: Phố T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn V; sinh năm 1978; Nơi cư trú: tập thể Vật Liệu D, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn là chị Lưu Hồng T trình bày:

Chị và anh Trần Văn V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 12/9/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ chồng ở xã X. Trong quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến đánh, cãi, chửi nhau. Năm 2013, anh V có đánh chị phải khâu vết thương ở đầu. Sau sự việc đó, vợ chồng thường xuyên xô xát và không có tiếng nói chung dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải. Đến tháng 01/2014, chị T về nhà bố mẹ đẻ tại Ninh Bình sinh sống. Tháng 10 năm 2016 chị T đã nộp đơn xin ly hôn với anh V tại tòa án huyện K. Anh V có cam kết sửa đổi nên tôi đã tha thứ và đồng ý rút đơn về đòan tụ. Tuy nhiên chị T và anh V vẫn không

tìm được tiếng nói chung nên tôi đã không về sống với anh V do lo ngại anh V hành hung, đánh đập ngoài ra chị T còn biết thông tin do anh V chơi bời vay mượn nhiều ngoài xã hội, khoản vay này chị đều không biết và cũng không được sử dụng số tiền này nên đây là nợ riêng của anh V. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Lưu Bảo N sinh ngày 19/01/2008, Trần Lưu Bảo P sinh ngày 20/10/2010 và Trần Lưu Bảo An, sinh ngày 10/9/2014. Cháu Trần Lưu Bảo N và Trần Lưu Bảo An đang ở với chị còn con chung Trần Lưu Bảo P đang ở với anh V. Nguyện vọng của chị khi ly hôn được nuôi hai con chung Trần Lưu Bảo N và Trần Lưu Bảo An ,còn con chung Trần Lưu Bảo P do anh V nuôi. Hai bên không đặt ra yêu cầu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh V không có nợ chung.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn là anh Trần Văn V đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy đinh. Tuy nhiên, anh Trần Văn V không nộp bản tự khai, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng có ý kiến trình bày tại đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ghi ngày 05/5/2022 như sau: "*Tôi và cô T lấy nhau là tự nguyện và chúng tôi có đăng ký kết tại UBND xã X năm 2007. Chúng tôi sống với nhau đến năm 2014 thì ly thân, đến năm 2016 đã từng ra tòa ly hôn nhưng sau đó cô V rút đơn để đoàn tụ nhưng chúng tôi vẫn không tiếp tục chung sống với nhau, cô T ở nhà mẹ đẻ tại Ninh Bình, còn tôi sống tại X. Nay cô T đòi ly hôn thì tôi thấy không còn tình cảm với cô T, đồng ý ly hôn. Tôi muốn tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Lưu Bảo P, để cô T nuôi Trần Lưu Bảo An và Trần Lưu Bảo N, tôi và cô T tự nuôi con không phải đóng góp tiền cho nhau. Tôi và cô T không có con chung nào khác. Tôi không đòi chia tài sản. Tôi và cô T không có vay mượn chung*." Ngoài ra anh V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa xét xử ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình cụ thể: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh V; về con chung đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Trần Lưu Bảo N và Trần Lưu Bảo An và anh V nuôi con chung Trần Lưu Bảo P, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu khác. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng và khẳng định vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt vì đã có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, cũng như quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định.

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng như trong quyết định, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng quy định trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và xử cho chị T được ly hôn anh V; về con chung xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lưu Bảo N và Trần Lưu Bảo An, giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lưu Bảo P, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của chị T và anh V đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới; tài sản, công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn V đã được cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt vì đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt bị đơn được quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Hồng T kết hôn với anh Trần Văn V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 12/9/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh P, sâu phát sinh mâu thuẫn nên đầu năm 2014 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Năm 2016, chị T có đơn xin ly hôn với anh V nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng hai vợ chồng vẫn sống ly thân từ đó tới nay, chấm dứt hoàn toàn quan hệ tình cảm và quan hệ sinh lý. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh V. Đối với anh V, đã có ý kiến trình

bày thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên cũng như phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lưu Hồng T và anh Trần Văn V có 03 con chung là Trần Lưu Bảo N sinh ngày 19/01/2008, Trần Lưu Bảo P sinh ngày 20/10/2010 và Trần Lưu Bảo An, sinh ngày 10/9/2014, hiện các con chung Trần Lưu Bảo N và Trần Lưu Bảo An đang ở với chị T, còn con chung Trần Lưu Bảo P đang ở với anh V hiện các con chung đang có cuộc sống ổn định, chị T và anh V cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Trần Lưu Bảo N và Trần Lưu Bảo An cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Trần Lưu Bảo P cho anh V tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét thấy yêu cầu đó của chị T và anh V là phù hợp nên cần chấp nhận giao con chung Trần Lưu Bảo N và Trần Lưu Bảo An cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Trần Lưu Bảo P cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh V và chị T cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Lưu Hồng T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Lưu Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Hồng T được ly hôn anh Trần Văn V.

2/ Về con chung: Xử giao cho chị Lưu Hồng T nuôi dưỡng hai con chung là Trần Lưu Bảo N sinh ngày 19/01/2008 và Trần Lưu Bảo An, sinh ngày 10/9/2014, giao cho anh Trần Văn V nuôi dưỡng con chung Trần Lưu Bảo P sinh ngày 20/10/2010; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T và anh V cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Lưu Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng. Số tiền 300.000đ mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007146 ngày 29/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn V. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với nguyên đơn, bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện K
- TAND TP Hà Nội
- THADS huyện K
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**